

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 07/2006/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Nhơn Hội

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Nhơn Hội như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng

Chế độ tài chính và thủ tục hải quan quy định tại Thông tư này (dưới đây gọi tắt là chế độ tài chính) được áp dụng trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (sau đây viết tắt là KKT Nhơn Hội), có diện tích đất tự nhiên khoảng 12 000 ha, bao gồm các xã: Nhơn Hội, Nhơn Lý, Nhơn Hải và khu vực 9 của phường Hải Cảng thuộc thành phố Quy Nhơn; một phần các xã Phước Hoà, Phước Sơn thuộc huyện Tuy Phước; một phần các xã Cát Tiến, Cát Chánh, Cát Hải thuộc huyện Phù Cát, theo đúng chỉ giới quy hoạch KKT Nhơn Hội.

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh được tiến hành trên địa bàn KKT Nhơn Hội. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả trên địa bàn KKT Nhơn Hội và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh trên địa bàn KKT Nhơn Hội làm căn cứ xác định chế độ tài chính được áp dụng.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp giấy phép đầu tư; các cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư tại KKT Nhơn Hội trước ngày 14/1/2005/QĐ-TTg ngày 14/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ (dưới đây gọi tắt là Quyết định 141/2005/QĐ-TTg) có hiệu lực mà chưa hưởng đủ ưu đãi thì được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này cho thời gian ưu đãi còn lại.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này là:

a. Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể và các cá nhân hành nghề độc lập.

b. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Khu phi thuế quan*: là khu vực địa lý được ngăn cách bằng hàng rào cứng với các khu chức năng khác của KKT Nhơn Hội theo quy định tại các Điều 7, 8, 9 của Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Các khu chức năng*: bao gồm khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch- dịch vụ, khu vui chơi giải trí và khu hành chính trong KKT Nhơn Hội (không bao gồm khu chế xuất) được xác định trong Quy hoạch chung KKT Nhơn Hội do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- *Nội địa Việt Nam*: bao gồm các khu chức năng trong KKT Nhơn Hội và phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam (trừ các khu tương tự Khu phi thuế quan và khu chế xuất).

- *Cổng kiểm soát hải quan*: Khu phi thuế quan có 2 cổng kiểm soát hải quan: Cổng kiểm soát hải quan tại phần tiếp giáp giữa cảng phi thuế quan với cảng thuế quan, gọi tắt là cổng A; Cổng kiểm soát hải quan tại phần tiếp giáp giữa cảng phi thuế quan với nội địa, gọi tắt là cổng B.

- *Danh mục hàng hoá có xuất xứ Khu phi thuế quan*: là danh mục hàng hoá do Ban quản lý KKT Nhơn Hội (dưới đây gọi tắt là Ban quản lý) ban hành theo từng thời kỳ (gọi tắt là Danh mục hàng hoá xuất xứ Khu phi thuế quan) gồm những hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài.

4. Điều kiện áp dụng chế độ tài chính liên quan đến Khu phi thuế quan

Các cơ chế tài chính liên quan tới Khu phi thuế quan trong KKT Nhơn Hội chỉ được hưởng khi Khu phi thuế quan được bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong Khu phi thuế quan với các khu chức năng khác trong KKT Nhơn Hội;

- Trong Khu phi thuế quan không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);

- Có cơ quan hải quan giám sát, kiểm tra người, hàng hoá và các phương tiện vào và ra Khu phi thuế quan.

5. Một số quy định chung về thủ tục hải quan Khu phi thuế quan

a. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong Khu phi thuế quan được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả các hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm. Chính sách mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo từng thời kỳ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành có liên quan. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc

danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, hàng hoá hạn chế kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

b. Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp Khu phi thuế quan có trách nhiệm gửi cơ quan hải quan Báo cáo quyết toán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ và Báo cáo xuất-nhập-tồn kho sản phẩm. Cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu và gửi cơ quan thuế để kiểm tra xác định các khoản thuế phải nộp.

c. Hàng hoá, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại Khu phi thuế quan thuộc loại hình nào thì áp dụng qui trình thủ tục hải quan quy định cho loại hình đó.

d. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua Khu phi thuế quan chỉ được đi qua cổng A và cổng B.

đ. Hàng hoá từ nội địa xuất khẩu vào Khu phi thuế quan và ngược lại: Hàng hoá từ nước ngoài đi qua cổng B vào Khu phi thuế quan làm thủ tục hải quan tại cổng B; Hàng hoá từ nước ngoài vào Khu phi thuế quan và hàng hoá từ khu bảo thuế ra nước ngoài qua cổng A làm thủ tục hải quan tại cổng A.

e. Hàng hoá từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A hoặc hàng hoá từ nước ngoài qua cổng A vào nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành tại cổng A hoặc tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu. Nếu làm thủ tục tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định về hàng hoá chuyển cửa khẩu.

f. Ngoài các quy định về thủ tục hải quan nêu trên, các bên liên quan phải [thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Nguyên tắc ưu đãi đầu tư

Các dự án đầu tư vào KKT Nhơn Hội được hưởng ưu đãi tối đa dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khu kinh tế theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các pháp luật về thuế khác.

Trường hợp các văn bản pháp luật quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một vấn đề thì được áp dụng mức ưu đãi cao nhất. Trường hợp các cơ chế chính sách mới ban hành ưu đãi hơn các quy định tại Thông tư này thì được áp dụng theo chính sách mới.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chính sách thuế đối với KKT Nhơn Hội

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài để hình thành cơ sở sản xuất kinh doanh mới trong KKT Nhơn Hội được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm kế tiếp.

b) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Nhơn Hội thuộc các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003

của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

c) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Nhơn Hội có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của vùng được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

d) Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Thu nhập chịu thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất phải nộp thuế thu nhập theo hướng dẫn tại phần C Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Để thực hiện các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư tại KKT Nhơn Hội phải nộp *bản sao* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp trong nước), Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế. Việc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ đã đăng ký và nộp thuế theo kê khai.

f) Trong quá trình hoạt động, sau khi quyết toán với cơ quan thuế mà bị lỗ, doanh nghiệp được chuyển khoản lỗ sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

g) Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế về thời gian thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu tại mục này.

1.2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao

1.2.1. Người lao động (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) làm việc tại KKT Nhơn Hội được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp đối với người có thu nhập cao (sau đây gọi là **tất thuế thu nhập cá nhân**).

1.2.2. Việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. Khi kê khai, tạm nộp thuế thu nhập cá nhân, cơ quan chi trả thu nhập chỉ khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong tháng của người lao động làm việc tại KKT Nhơn Hội .

1.2.3. Riêng trường hợp người lao động Việt Nam, người nước ngoài làm việc tại KKT Nhơn Hội dưới 1 năm (12 tháng) thì số thuế thu nhập cá nhân được giảm cho thời gian làm việc tại KKT Nhơn Hội được xác định như sau:

a. Đối với người Việt Nam:

Hàng tháng, cơ quan chi trả thu nhập tạm khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, cuối năm quyết toán thuế, tính số thuế phải nộp của cả năm và số thuế được giảm của năm theo công thức sau:

Thu nhập chịu thuế trong thời
gian làm việc tại KKT Nhơn Hội

Số thuế thu nhập cá
nhân được giảm trong
năm

=

Số thuế thu nhập cá nhân
phải nộp trong năm

× 50% ×

Tổng thu nhập chịu thuế trong
năm tính thuế

Trong đó, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc tại KKT Nhơn Hội và thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc ở nơi khác ngoài KKT Nhơn Hội .

b. Đối với người nước ngoài:

- Nếu là đối tượng không cư trú thì số thuế phải nộp được xác định như sau:

Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp= Tổng thu nhập chịu thuế nhân với (×) 25% nhân với (×) 50%.

- Nếu là đối tượng cư trú thì hàng tháng cơ quan chi trả thu nhập tạm khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, cuối năm quyết toán thuế, tính ra số thuế phải nộp của cả năm và số thuế được giảm. Số thuế thu nhập cá nhân được giảm trong năm được tính theo công thức nêu tại tiết a, điểm này.

1.3. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

a) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- Hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan; hàng hoá từ Khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài.

- Hàng hoá từ khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan khác (là khu phi thuế quan quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi) năm 2005), cho doanh nghiệp chế xuất, cho kho ngoại quan, và ngược lại.

- Hàng hoá không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu phi thuế quan.

b) Hàng hoá thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu phi thuế quan phải nộp thuế xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành.

c) Hàng hoá từ Khu phi thuế quan nhập vào nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định sau:

- Hàng hoá có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hoá được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan nếu phần giá trị hàng hoá xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên và được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN – Mẫu D, thì